



## MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ TỘC NG-ỒI

NGUYỄN CÔNG THẢO

Khái niệm tộc ng-ời (ethnicity) là một trong những khái niệm quan trọng trong ngành Dân tộc học/Nhân học. Để giúp bạn đọc có thêm thông tin, bài viết này sẽ tổng quan ý kiến có liên quan của một số nhà Dân tộc học/Nhân học n-ớc ngoài.

### 1. Khái niệm tộc ng-ời: quan niệm và diễn giải

Khái niệm tộc ng-ời (ethnic group) trong ngành khoa học xã hội ở ph-ơng Tây xuất phát từ tiếng Hy Lạp (ethnos) với ý nghĩa là *một nhóm ng-ời cùng chủng tộc (race) hay dân tộc (nationality) vốn chia sẻ một nền văn hóa chung và riêng biệt*. “Chủng tộc” hay “dân tộc” th-ờng đ-ợc coi nh- là một tập hợp những đặc tính văn hoá đặc tr- ng đ-ợc gắn kết với nhau. Định nghĩa này th-ờng đem lại những cách hiểu sai về tộc ng-ời.

Thuật ngữ tộc ng-ời (ethnic group) đ-ợc sử dụng rộng rãi ở Mỹ từ những năm 50 của thế kỷ tr-ớc. Từ những năm 30, nhiều học giả Mỹ bắt đầu hoài nghi quan niệm vốn phổ biến tr-ớc đó về tộc ng-ời, rằng văn hóa và cấu trúc xã hội là hai đặc điểm quan trọng khi xác định tộc ng-ời. E.R Leach (1954) đã chứng minh điều này qua một nghiên cứu khá nổi tiếng của ông về ng-ời Kachin ở miền núi Burma. Kachin là một cộng đồng c- trú từ khá lâu ở Burma. Các nhóm của cộng đồng này sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau và có sự đa dạng rõ nét về văn hoá giữa các nhóm. Leach cho rằng tính đặc tr- ng trong văn hoá của ng-ời Kachin không thể tìm thấy trong bất cứ thuộc tính văn hoá nào mà cộng đồng

Kachin cùng chia sẻ, mà trái lại tính đặc tr- ng văn hoá của cộng đồng này chỉ có thể hiểu đ-ợc khi đặt trong mối quan hệ với tộc ng-ời láng giềng là ng-ời Shan. Với nghiên cứu này, Leach khẳng định không thể đ- a ra một định nghĩa về một tộc ng-ời nếu khi đặt tộc ng-ời đó nh- một cộng đồng biệt lập, không có mối liên hệ với các cộng đồng khác.

Trong một nghiên cứu khá nổi tiếng về ng-ời Lue ở Thái Lan, Michael Moerman (1965) đặt câu hỏi “ng-ời Lue là ai?” nhằm tìm kiếm những điểm đặc tr- ng của cộng đồng này với những cộng đồng láng giềng khác. Đây cũng chính là mối quan tâm chung của nhiều nhà Nhân học đ-ơng đại. Sau khi liệt kê một số tiêu chí vốn đ-ợc sử dụng rộng rãi trong việc phân loại tộc ng-ời nh- văn hoá, ngôn ngữ, tổ chức chính trị, lãnh thổ, Moerman khẳng định các tiêu chí này không hoàn toàn t-ơng quan với nhau và ranh giới quy định bởi một tiêu chí không trùng với ranh giới quy định bởi tiêu chí khác. Khi Moerman đặt câu hỏi với ng-ời Lue đâu là đặc điểm điển hình, đặc tr- ng của họ; câu trả lời là những biểu hiện văn hoá của ng-ời Lue cũng thấy ở các tộc ng-ời khác. Kết quả nghiên cứu thực địa của học giả này cho thấy ng-ời Lue không hề có đặc điểm nào khác biệt với các cộng đồng khác. Họ có mối quan hệ chặt chẽ với các tộc ng-ời xung quanh, không có một ngôn ngữ, một hoạt động kinh tế hay phong tục, tôn giáo riêng biệt nào. Câu hỏi mà Moerman đặt ra là tại sao lại coi là ng-ời Lue nh- một tộc ng-ời riêng biệt? Không tìm đ-ợc câu trả lời, Moerman buộc phải đ- a ra một khái niệm mà ông gọi là phạm trù bên trong của sự nhận thức (emic category of

ascription). Khái niệm này đã và đang đ-ợc sử dụng rộng rãi trong ngành Nhân học Xã hội.

Vấn đề Moerman đặt ra là liệu phạm trù trên có bao hàm ý nghĩa một tộc ng-ời không nhất thiết phải có một nền văn hoá đặc tr-ng và liệu có tồn tại hai tộc ng-ời độc lập khi giữa chúng có sự t-ong đồng về văn hoá? Thừa nhận đây là những câu hỏi cần nghiên cứu hơn nữa, song Moerman vẫn khẳng định sự khác biệt về văn hoá không phải là yếu tố quyết định đến tính đặc tr-ng của một tộc ng-ời. Những ví dụ về các tộc ng-ời ở New Guinea, ng-ời Serb và ng-ời Croat ở Nam T- (cũ) hay giữa cộng đồng ở vùng bờ biển Sami và Nauy đ-ợc Moerman minh họa cho nhận định này.

Từ những năm 60 của thế kỷ tr-ớc khái niệm tộc ng-ời trong Nhân học Mỹ th-ờng đ-ợc hiểu là một cộng đồng dân c- vốn có chung những đặc điểm sau:

- + T-ong đồng về mặt sinh học.
- + Cùng chia sẻ những giá trị văn hoá cơ bản.
- + Tạo ra một khu vực của giao tiếp và t-ong tác.
- + Có mối quan hệ thành viên đặc tr-ng và đ-ợc xác định bởi các cộng đồng khác.

Theo Barth (1969) định nghĩa này không khác xa so với quan điểm truyền thống tr-ớc đó vốn đồng nhất một chủng tộc với một nền văn hoá, một ngôn ngữ và một xã hội. Việc áp dụng đặc điểm này theo Barth sẽ hạn chế các nhà nghiên cứu trong việc giải thích đa dạng hoá vì nó h-ớng ng-ời ta đến việc t-ởng t-ợng rằng mỗi tộc ng-ời phát triển các cấu trúc văn hoá xã hội của họ một cách t-ong đối đặc biệt với các cộng đồng xung quanh. Nói cách khác, xã hội và văn hoá của một tộc ng-ời đ-ợc hình thành và phát triển chủ yếu dựa trên những thích ứng, những đối phó của tộc ng-ời đó đối với các nhân tố sinh thái bản địa qua một quá trình lịch sử, sáng tạo và vay m-ợn có chọn lọc. Và nh- thế, quá trình lịch sử này sản sinh ra một thế giới của những tộc ng-ời riêng rẽ mà mỗi tộc ng-ời đ-ợc coi nh- một ốc đảo.

Barth cho rằng cần phải nhìn tộc ng-ời nh- là một đơn vị nuôi d-ỡng văn hoá (cultural - bearing unit), tức là các thành viên của nó cùng chia sẻ các giá trị văn hoá chung. Khác với quan điểm ở định nghĩa trên khi coi đặc điểm này chỉ là dấu hiệu ban đầu để định nghĩa một tộc ng-ời, Barth cho rằng cần xem xét tiêu chí nh- một thuộc tính nội hàm của tộc ng-ời.

Nếu coi tiêu chí văn hoá là một đặc điểm ban đầu của tộc ng-ời, Barth khẳng định việc áp dụng nó sẽ gặp nhiều khó khăn vì cách tiếp cận này h-ớng nhà nghiên cứu đến việc xác định và phân biệt các tộc ng-ời dựa trên các đặc điểm hình vị học của văn hoá. Điều này sẽ tạo ra một quan điểm định kiến đối với bản chất của tính tiếp biến theo thời gian của các thành tố văn hoá và với những thành tố văn hoá chính. Cho rằng tộc ng-ời là một đơn vị văn hoá, Barth cố gắng chứng minh tộc ng-ời nh- một hình thức tổ chức xã hội. Với quan điểm này, ông cho rằng tộc ng-ời không phải là một cộng đồng khép kín và không chịu mỗi tác động nào từ bên ngoài. Môi tr-ờng tự nhiên và môi tr-ờng xã hội bao quanh một tộc ng-ời có ảnh h-ớng quan trọng đến thuộc tính văn hoá của chính tộc ng-ời đó. Nhìn nhận tộc ng-ời nh- một hình thức tổ chức xã hội, Barth khẳng định không có một ranh giới cụ thể về mặt khu vực địa lý giữa các tộc ng-ời. Thay vào đó, một tổ chức có hệ thống của các mối quan hệ và ứng xử xã hội mới có thể đ-ợc coi là tiêu chí để tìm thấy sự khác biệt giữa các tộc ng-ời.

Đầu thế kỷ 20, các nhà xã hội học Mỹ phát triển một lý thuyết về tộc ng-ời dựa trên những nghiên cứu b-ớc đầu về dân nhập c- ở Mỹ. Tr-ờng phái lý thuyết này cho rằng các tộc ng-ời chỉ tồn tại trong giai đoạn chuyển tiếp khi mà họ đang bị đồng hoá bởi nền văn hóa chủ thể của lãnh thổ mà họ di c- tới và quá trình này sẽ hoàn tất ở thế hệ thứ ba. Tuy nhiên, lý thuyết này tỏ ra không hoàn toàn đúng đắn khi mà cộng đồng nhập c- vào Mỹ trong thế kỷ 20, giống nh- cộng đồng nhập c- từ thế kỷ 19 vẫn duy trì mối quan hệ mật thiết với những ng-ời đồng tộc ở quê nhà.

Cohen (1978) đưa ra một so sánh khá thú vị khi mô tả quá trình phát triển từ khái niệm bộ lạc (tribe) đến tộc ng-ời (ethnic) qua việc đối chiếu

những đặc điểm mang tính nhận thức luận về tộc ng-ời và bộ lạc:

Đơn vị so sánh	
Bộ lạc	Tộc ng-ời
Biệt lập	Không biệt lập
Nguyên thủy	Đ-ợng đại
Nhấn mạnh tính khách quan	Nhấn mạnh tính chủ quan, hoặc cả khách quan và chủ quan
Biệt lập, khép kín	Mở, có mối liên hệ với các tộc ng-ời khác
Đồng nhất	Đa dạng
Không thuộc ph-ợng Tây	□p dụng toàn cầu

Sự chuyển đổi nhận thức từ khái niệm bộ lạc đến tộc ng-ời theo Cohen là thay đổi cơ bản xét về ph-ợng diện Nhân học. Khái niệm bộ lạc vốn từng đ-ợc các học giả ph-ợng Tây sử dụng như một thuật ngữ để ám chỉ xã hội mông muội - xã hội của các n-ớc thuộc địa. Khái niệm tộc ng-ời, dân tộc dùng riêng cho xã hội văn minh - xã hội ph-ợng Tây. Từ thế kỷ 20, khái niệm bộ lạc không đ-ợc các học giả thuộc các n-ớc thế giới thứ ba thừa nhận và dần dần không đ-ợc sử dụng d-ới màu sắc chính trị.

Charles R. Keyes (2005) đề xuất một cách tiếp cận khác về tộc ng-ời. Ông phủ nhận quan điểm cho rằng khái niệm tộc ng-ời giống với khái niệm chủng tộc. Qua nghiên cứu của mình học giả này khẳng định “tộc ng-ời cần phải đ-ợc nhìn nhận từ một nhóm có quan hệ nguồn gốc mà thành viên của nó chứng tỏ mối quan hệ này thông qua các thuộc tính văn hoá mà họ cùng chia sẻ” (p. 383). Không đồng ý với quan điểm của Leach và Webber khi 2 học giả này chỉ tập trung vào hoặc khía cạnh văn hoá hoặc khía cạnh sinh học của một cộng đồng, Keyes khẳng định cần phải xem xét cả hai đặc tính này nh- là những đặc điểm đặc tr-ợng của một tộc ng-ời. Theo Keyes, một tộc ng-ời cần phải đ-ợc nhìn nhận nh- một nhóm có cùng nguồn gốc và các thành viên trong đó thể hiện đặc điểm này qua các thuộc tính văn hoá mà họ tin là họ cùng chia sẻ. Học giả này cũng cho rằng vấn đề phân loại tộc ng-ời ở Đông Nam □ chịu ảnh h-ởng đáng kể bởi quan điểm của các học giả ph-ợng Tây

khi dẫn chứng rằng tr-ớc thời thuộc địa, khái niệm “dân tộc thiểu số” không hề tồn tại. Trái lại, hai khái niệm phổ biến tồn tại tr-ớc đó là “dân tộc văn minh” - ám chỉ tộc ng-ời đa số, nắm quyền lực chính trị, và các dân tộc “lạc hậu, mông muội” - ám chỉ các dân tộc thiểu số bị lệ thuộc.

Theo các nhà Nhân học Canada, có 3 cách để xác định tộc ng-ời: nguồn gốc hoặc tổ tiên, chủng tộc và đặc tính riêng biệt. Cách tiếp cận theo nguồn gốc nhằm xác định cội nguồn của mỗi thành viên trong một tộc ng-ời. Tuy nhiên, cách tiếp cận này trong nhiều tr-ờng hợp khá mơ hồ và khó xác định, nhất là trong các tr-ờng hợp hôn nhân hỗn hợp. Cách tiếp cận theo chủng tộc d-ờng nh- rõ ràng hơn cách tiếp cận theo nguồn gốc song bản thân nó cũng không hoàn toàn xác định và phân loại đ-ợc tộc ng-ời khi mà nó chỉ dựa trên những đặc điểm thể chất mang tính di truyền, nhất là trong bối cảnh mà hiện t-ợng pha trộn chủng tộc bắt nguồn từ hôn nhân hỗn hợp khá phổ biến. Cách tiếp cận dựa vào đặc tính riêng biệt đ-ợc hiểu là cách tiếp cận mà qua đó các nhà nghiên cứu dựa vào cách mà các cá nhân tự nhận mình thuộc về một tộc ng-ời cụ thể. Cách tiếp cận này gắn với khái niệm các nhà Dân tộc học Xô Viết gọi là ý thức tộc ng-ời. Tuy nhiên, cách tiếp cận này đ-ợc coi là sự kết hợp của hai cách tiếp cận trên vì khi câu hỏi anh thuộc tộc ng-ời nào đ-ợc đặt ra cho một cá nhân, ng-ời đ-ợc hỏi có thể hiểu khái niệm tộc ng-ời ở đây đồng nhất với khái niệm quốc tịch, và khi đó

câu trả lời sẽ là Canada. Ng- ọc lại, nếu ng- ời đ- ọc hỏi đồng nhất khái niệm tộc ng- ời với nguồn gốc, câu trả lời có thể là tên của quốc gia, hoặc tộc ng- ời mà anh ta đ- ọc sinh ra hoặc có quan hệ huyết thống. Một khả năng khác có thể xảy ra khi khái niệm tộc ng- ời đ- ọc hiểu nh- một cộng đồng ngôn ngữ. Rõ ràng cả 3 cách tiếp cận hay nói một cách khác 3 tiêu chí này đều không thể giúp nhà nghiên cứu xác định một cách hoàn hảo tộc danh của một cộng đồng (xem <http://www.statcan.ca/english/concepts/definitions/ethnmicity.htm>).

Trong một thời gian dài, quan điểm về vấn đề tộc người của các nhà Dân tộc học Xô Viết chịu ảnh hưởng lớn từ định nghĩa về dân tộc của Stalin, theo đó một dân tộc là “*một cộng đồng ổn định, hình thành qua một quá trình phát triển lịch sử, cùng chung một ngôn ngữ, lãnh thổ, đời sống kinh tế và các đặc tính tâm lý*” (Stalin 1973: 60). Từ những năm 60 thế kỷ tr- ớc, bắt đầu xuất hiện những quan niệm cho rằng cần bổ sung và cụ thể hoá hơn định nghĩa này. Tokarep đưa ra một định nghĩa về tộc người vốn được bàn luận trong một thời gian dài. Theo học giả này một cộng đồng tộc người là một cộng đồng dựa trên một hay nhiều các mối gắn kết xã hội như: chung nguồn gốc, ngôn ngữ, lãnh thổ, sự liên kết nhà nước, các mối quan hệ kinh tế, đặc trưng văn hoá, tôn giáo. Quan niệm này đã chịu nhiều phê phán của các học giả sau này vì nó dựa trên giả thuyết rằng sự tồn tại của một tộc ng- ời có thể chỉ dựa trên một đặc điểm chung nh- : ngôn ngữ, tôn giáo, kinh tế.... Kế tiếp Tokarep, nhiều tiêu chí mới được đưa ra và trong hai thập kỷ 70 và 80 tiêu chí quan trọng được chấp nhận rộng rãi nhất là ý thức tự giác tộc người (Cheboksarov 1964, Tokarep 1964, Kozlov 1967, Bromley 1973). Bromley có đóng góp lớn trong việc cụ thể hoá tiêu chí này. Theo ông, ý thức tự giác tộc người không chỉ bao hàm niềm tin về cùng một cội nguồn mà còn là tập hợp những giả định đặc thù, đặc trưng của các thành viên trong tộc người đối với những đặc điểm văn hoá đặc trưng của không những bản thân cộng đồng mình mà còn cả đối với các tộc người khác. Có thể nói, quan niệm này đưa ra một cách

nhìn mới, một cách hiểu mới về khái niệm ý thức tự giác tộc người. Đó là sự chia sẻ ý thức không chỉ về bản thân tộc người mình, mà còn cả ý thức chung về các tộc người khác. Học giả này còn nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt các cộng đồng tộc ng- ời cùng chung sống trong một vùng lãnh thổ và cộng đồng tộc ng- ời c- trú ở những vùng lãnh thổ khác nhau. Thành viên của một tộc ng- ời có thể c- trú ở các khu vực khác nhau. Ở một cách tiếp cận khác, Kozlov lại cho rằng “*cộng đồng tộc người là một tổ chức xã hội được hình thành trên một lãnh thổ nhất định, có sự tương đồng về mặt ngôn ngữ, đặc điểm chung về văn hoá, các giá trị xã hội... Đặc điểm cơ bản của một tộc người là ý thức tự giác tộc người, tên gọi riêng, ngôn ngữ cùng lãnh thổ riêng và những đặc điểm cụ thể của đặc trưng tâm lý*” (Kozlov 1967: 111). Liên quan đến ý thức tự giác tộc ng- ời, Kozlov cho rằng ý thức chung về nguồn gốc đóng vai trò là nhân tố chính trong ý thức tự giác tộc ng- ời. Quan điểm này gây ra khá nhiều tranh cãi. Nhiều học giả phủ nhận nó, mà điển hình là Cheboksarov (1972) khi ông cho rằng ý thức về nguồn gốc không thể là nhân tố quyết định, và không thể xem xét yếu tố này nh- một đặc tính quan trọng của tộc ng- ời.

Một khuynh h- ớng tiếp cận vấn đề tộc ng- ời khác là việc xem xét mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng tộc ng- ời và cộng đồng tôn giáo. Các học giả theo tr- ờng phái này cho rằng có sự tồn tại của “*đặc tr- ng tâm lý chung*” giữa các thành viên của một tộc ng- ời xác định. Tuy nhiên đặc tr- ng này chỉ tồn tại ở những tộc ng- ời nhỏ bé về dân số, cùng c- trú trên một khu vực địa lý nhỏ hẹp (Puchov 1973).

Một tr- ờng phái quan điểm khác trong các nhà Nhân học Nga cho rằng khái niệm tộc ng- ời là phạm trù sinh học hơn là phạm trù xã hội. Điển hình cho h- ớng tiếp cận này là Gumilev (1988). Học giả này cho rằng quá trình hình thành tộc ng- ời là kết quả của sự thích ứng ban đầu của một cộng đồng đối với điều kiện sinh thái bản địa và quá trình hình thành cái mà ông gọi là gen tộc ng- ời (ethno-genetic) chỉ diễn ra ở những nơi mà điều kiện sinh thái thích hợp với

nó. Lực lượng đóng vai trò chính yếu trong quá trình này, theo Gumilev là phẩm chất đặc biệt của tầng lớp lãnh đạo mà ông gọi là “sự siêu phàm” và đây là sản phẩm của quá trình đột biến về mặt xã hội. Đại bộ phận thành viên của một tộc ng-ời, theo học giả này, tập hợp quanh những nhà lãnh đạo của họ, những cá nhân siêu phàm, những cá nhân có tầm ảnh hưởng như Alexander Đại Đế hay Mohammed. Các quan điểm theo trường phái này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và bị phê phán là diễn giải các vấn đề về tộc ng-ời và lịch sử tộc ng-ời chỉ d-ới góc độ sinh học.

Khái niệm tộc ng-ời đ-ợc sử dụng trong giới Nhân học Pháp từ khá sớm, điển hình trong các nghiên cứu của Mallerer và Taboulet (1937). Tuy nhiên, khái niệm này không thực sự phổ biến mà thay vào đó là các khái niệm: bộ tộc, chủng tộc, ng-ời mông muội. Charles Keyes, một nhà Nhân học Mỹ đã cho rằng đặc điểm này đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà Nhân học ở Đông Nam Á trong việc xây dựng các khái niệm về tộc ng-ời sau này. Trong một thời gian dài, thuật ngữ Montagnard đ-ợc các nhà Nhân học Pháp dùng để chỉ chung cho các tộc ng-ời thiểu số sinh sống ở vùng miền núi khu vực Đông D-ơng (Salemink 2002). Từ những năm 60, khái niệm tộc ng-ời bắt đầu đ-ợc sử dụng phổ biến hơn. Điển hình cho các nhà Nhân học Pháp là một tên tuổi lớn trong ngành Nhân học thế giới trong thế kỷ 20- Levis-Strauss, Claude. Trong cuốn sách “race et culture” (chủng tộc và văn hoá), Levis Strauss phản đối các quan điểm đồng nhất tộc ng-ời với chủng tộc và thuyết quyết định luận về gen cho rằng các tộc ng-ời nhỏ bé không văn minh và điều này bị quy định bởi gen của chính các tộc ng-ời đó (Thuyết quyết định luận gen đ-ợc coi là một trong những nền tảng của thuyết phân biệt chủng tộc sau này). Mặc dù không đ- ra một định nghĩa cụ thể nào về tộc ng-ời như những quan điểm mà ông trình bày trong cuốn sách này về văn hoá và chủng tộc mang hàm ý mỗi tộc ng-ời có một nền văn hoá riêng. Nền văn hoá riêng ấy đ-ợc hình thành trong một quá trình lịch sử nhất định và nếu không hiểu quá trình này, ng-ời ta không thể hiểu đ-ợc nền văn hoá đó. Các yếu tố sinh học hay môi trường theo

ông không đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển của mỗi nền văn hoá và do đó không thể khẳng định nền văn hoá (tộc ng-ời) này văn minh hoặc mông muội hơn nền văn hoá (tộc ng-ời) khác. Quan điểm tiến bộ này đã đ-ợc UNESCO đánh giá cao và sử dụng sau này.

## 2. Khái niệm tộc ng-ời trong mối quan hệ với một số khái niệm so sánh

Có thể nói, khái niệm tộc ng-ời chỉ đ-ợc sử dụng phổ biến trong Nhân học từ những năm 60. Quá trình phát triển của khái niệm này gắn liền với những biến động về chính trị, xã hội, kinh tế. Trong phần này, ng-ời viết sẽ giới thiệu tóm tắt về mối quan hệ giữa khái niệm tộc ng-ời và một số khái niệm liên quan khác.

### 2.1. Tộc ng-ời, chủng tộc và nhà n-ớc

Khái niệm chủng tộc thường khiến ng-ời ta nghĩ đến một cộng đồng ng-ời với các đặc điểm sinh học, điển hình là việc phân chia loài ng-ời thành 4 chủng tộc dựa trên những đặc điểm khác biệt về thể chất. Tuy nhiên, nhiều học giả khẳng định rằng, trong một chừng mực nào đó khái niệm này vẫn đ-ợc ngầm hiểu d-ới góc độ văn hoá. Thomas (2002) bảo vệ quan điểm này khi lấy một dẫn chứng khá điển hình. Ông cho rằng thuyết phân biệt chủng tộc đ-ợc xây dựng trên một giả định rằng tính cách của con ng-ời bị chi phối bởi các đặc điểm sinh học di truyền và quá trình này diễn ra khác nhau giữa các chủng tộc. Cần lưu ý rằng, Thomas không có ý bảo vệ cho học thuyết đ-ợc thừa nhận là phản khoa học này mà ông chỉ muốn sử dụng nó như một tiền đề để đ- ra một luận điểm quan trọng là: tộc ng-ời và chủng tộc không nhất thiết phải là 2 khái niệm khác biệt và khái niệm chủng tộc không hề phủ nhận hay loại trừ khái niệm tộc ng-ời. Cùng chia sẻ quan điểm này, Berger (1983, trích qua Thomas 2002) cho rằng chủng tộc chỉ là một hình thức biểu hiện đặc biệt của tộc ng-ời. Quan điểm này trái ngược lại với một số học giả trước đây với quan niệm cần thiết phải tách biệt hai khái niệm mà họ cho là khác biệt này. Michael Banton (1967, trích qua Thomas 2002) cho rằng khái niệm chủng tộc mô tả một “chủng” ng-ời trong khi tộc ng-ời đ-ợc sử dụng để mô tả đặc tính của một nhóm ng-ời.

Mối quan hệ giữa khái niệm tộc ng-ời và dân tộc cũng là một vấn đề đ-ợc quan tâm. Trong nhiều ngôn ngữ, hai khái niệm này đôi khi đ-ợc sử dụng lẫn lộn. Thomas cho rằng điểm chung của hai khái niệm này là cùng diễn tả những đặc tính văn hoá chung của một cộng đồng và qua đó tạo ra một ranh giới với các cộng đồng khác. Điểm khác biệt căn bản giữa hai khái niệm, theo học giả này là mối liên hệ với nhà n-ớc của khái niệm dân tộc. Tuy nhiên, sự khác biệt này chỉ là t-ơng đối vì ngay bản thân các nhà dân tộc chủ nghĩa cũng coi văn hoá là ranh giới giữa họ và các dân tộc khác và trong nhiều tr-ờng hợp, một cuộc đấu tranh tộc ng-ời có thể dẫn đến một cuộc đấu tranh dân tộc và đặc biệt trong nhiều tr-ờng hợp chủ nghĩa dân tộc th-ờng biểu hiện với những đặc điểm tộc ng-ời.

### 2.2. Tộc ng-ời và giai cấp

Theo Thomas, khái niệm tộc ng-ời theo cách hiểu chung nhất là một cộng đồng mà các thành viên của nó ý thức đ-ợc những đặc tr-ng của họ trong sự so sánh với các cộng đồng khác. Mỗi tộc ng-ời có thể có những vị trí khác nhau trong một xã hội lớn hơn và do đó ông cho rằng việc phân biệt tộc ng-ời với giai cấp là cần thiết. Khái niệm giai cấp mà Thomas đề cập ở đây là khái niệm giai cấp của các nhà Marxist.

Thomas cho rằng tộc ng-ời và giai cấp có mối quan hệ t-ơng hỗ bởi trong nhiều tr-ờng hợp những ng-ời thuộc về một tộc ng-ời nhất định có những địa vị xã hội khác so với những ng-ời ở các tộc ng-ời khác. Tộc ng-ời và giai cấp đều cùng có thể đ-ợc sử dụng nh- một tiêu chí để xác định địa vị của một cá nhân/cộng đồng. Mối quan hệ tộc ng-ời có thể trở thành một nhân tố quan trọng ảnh h-ởng tới mối quan hệ giai cấp đặc biệt ở các quốc gia đa tộc ng-ời. Tuy nhiên, học giả này cũng thừa nhận một số sự khác biệt căn bản giữa hai khái niệm này. Trong khi giai cấp đề cập đến địa vị xã hội, phân bổ quyền lực, t- liệu và quan hệ sản xuất thì khái niệm tộc ng-ời chủ yếu đề cập đến sự khác biệt về văn hoá.

Hiện nay, ngoài những vấn đề trên, nhiều khái niệm mới đã xuất hiện: dân tộc bản địa hay ng-ời bản địa, dân nhập c-, nhóm thiểu số thành

thị... Điều này bị chi phối bởi xu thế phát triển hội nhập toàn cầu, đô thị hoá, tiếp xúc văn hoá... Trong thời gian tới, việc nghiên cứu sâu các nhóm c- dân này là rất cần thiết bởi hiện t-ợng này thêm một lần nữa cho thấy sự ảnh h-ởng của các biến động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đối với nhận thức về tộc ng-ời nói riêng, các cộng đồng ng-ời nói chung.

### 3. Một vài nhận xét

Sự đa dạng trong cách hiểu về tộc ng-ời phản ánh sự đa dạng của xã hội loài ng-ời. □ một khía cạnh nào đó tất cả những cách tiếp cận tộc ng-ời trên đều có những giá trị nhất định. Phần cuối của bài viết này là quan điểm của ng-ời viết đối với một số vấn đề liên quan đến tộc ng-ời.

Có thể thấy, kể từ năm 1960 đến nay, khái niệm về tộc ng-ời đã thay đổi đáng kể. Điểm nổi bật nhất là việc nhìn nhận tộc ng-ời nh- một cộng đồng mà các thành viên trong đó ý thức đ-ợc những đặc tr-ng của cộng đồng mình cũng nh- ý thức đ-ợc những nét đặc tr-ng của các tộc ng-ời xung quanh. Tộc ng-ời không còn bị nhìn nhận d-ối góc độ sinh học thuần túy, hoặc nh- một cộng đồng khép kín, tách biệt với các tộc ng-ời láng giềng. Hiện nay, vẫn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về tộc ng-ời. Đây là một điều tất yếu bởi khó có thể đ- ra một khái niệm mang tính toàn cầu về tộc ng-ời.

Văn hoá, nguồn gốc, ý thức tộc ng-ời, hay bất cứ một yếu tố nào khác có thể đóng vai trò quan trọng nh- là một đặc tr-ng của cộng đồng này nh-ng có thể đóng vai trò thứ yếu ở cộng đồng khác. Việc tập hợp một hệ thống các tiêu chí cho tộc ng-ời chỉ đóng vai trò t-ơng đối vì nếu có một hệ thống các tiêu chí nh- thế, thách thức đặt ra là trong hệ thống ấy, tiêu chí nào sẽ là quan trọng nhất? Và liệu hệ thống các tiêu chí ấy có thể áp dụng đối với các cộng đồng ng-ời khác nhau?

Không một quốc gia nào trên thế giới hiện nay thuần nhất về văn hoá, nguồn gốc, ngôn ngữ và không có cộng đồng ng-ời nào lại sinh sống ngoài lãnh thổ của một quốc gia xác định. Có lẽ vì thế, không thể tách rời tộc ng-ời với nhà n-ớc với các cộng đồng khác cùng c- trú trong một

quốc gia ấy. Toàn cầu hoá dẫu thu hẹp dần khoảng cách văn hoá giữa các quốc gia, thì vẫn còn đó những đặc điểm riêng biệt hiện hữu ở bất cứ một quốc gia nào. Những vấn đề an ninh, tôn giáo, tộc ng-ời hiện nay ở châu Âu là một ví dụ. Khó có thể tìm thấy một khu vực nào mà các quốc gia láng giềng chia sẻ nhiều đặc điểm chung nh- ở châu lục này.

Chính vì thế, khái niệm tộc ng-ời, việc xác định và phân loại tộc ng-ời cần phải đặt trong bối cảnh của từng quốc gia để đảm bảo tính hợp lý của nó. Điều này cũng không có nghĩa là mỗi quốc gia có thể xây dựng một khái niệm và hệ tiêu chí thống nhất để áp dụng cho tất cả các cộng đồng khác nhau c- trú trên lãnh thổ của nó mà trái lại nh- đã trình bày, cần phải có sự linh hoạt giữa các vùng, các cộng đồng khác nhau.

### Tài liệu tham khảo

- Bromley, Julian U. (1973). *Ethnos and Ethnography* (Dân tộc và Dân tộc học), Moscow: Nauka
- Charles R. Keyes (2005). *Toward a New Formulation of the Concept of Ethnic Group* (H- ứng tới một định nghĩa mới về khái niệm tộc ng-ời), Vietnam National University-Hanoi. Hanoi.
- Cheboksarov, N.N (1964). *Problems of Origins of Ancient and Contemporary Peoples* (Những vấn đề về nguồn gốc của các dân tộc cổ x- a và đ- ơng đại), Moscow: Nauka.
- Cheboksarov, N. N et al (1972). *Transmission of Information as the Mechanism of Existence of the Ethnosocial and Biological Groups of Mankind. Race and Peoples* (Trao truyền thông tin nh- là một cơ chế tồn tại của các nhóm khác biệt về sinh học, xã hội tộc ng-ời. Chủng tộc và dân tộc), Moscow: 2, 19-22.
- Đặng Nghiêm Vạn (2001). *Ethnological and Religious Problems in Vietnam* (Những vấn đề tôn giáo và tộc ng-ời ở Việt Nam), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Fredrik Barth (1969). *Ethnic Groups and Boundaries: The Social Organization of Cultural Difference* (Ranh giới và các nhóm tộc ng-ời: Tổ chức xã hội của sự khác biệt văn hoá), London: Allen & Unwin.
- Gumilev, L. N. (1988). *Biography of Science Theory or an auto-Obituary* (L- ợc sử các học thuyết khoa học), Znamya, no.4.
- Khổng Diễn (1995). *Dân số và Dân số tộc ng-ời*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Kozlov, V. L (1967). *On the Notion of Ethnic Community* (Về khái niệm cộng đồng tộc ng-ời), Sovetskaya etnografiya, 2.
- Leach, E.R. (1954). *Political systems of Highland Burma* (Các hệ thống chính trị ở vùng cao nguyên Burma), Havard University Press.
- Michael Moerman (1965)
- Levis-Strauss, Claude (1958). *Race et Culture* (Chủng tộc và văn hoá) Anthropologie structurale II.
- Mallerer, Louis and George Taboulet (1937). *Ethnic Groups of French Indochina* (Các nhóm tộc ng-ời ở Đông D- ơng thời Pháp thuộc), Societe des Etudes Indochinoise, Sai Gon.
- Moerman, Michael (1965). *Ethnic identification in a complex civilization: who are the Lue?* (Đặc tính tộc ng-ời trong một nền văn hoá đa dạng: Ng-ời Lue là ai?), American Anthropologist, 67, pp. 1215-1230.
- Nguyễn Văn Huy, La Công □, Nguyễn Thuý Bình (1983). *Các dân tộc tỉnh Gia Lai- Công Tum*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Puchov, P. I. (1973). *On the Correlation of Confessional and Ethnic Communities* (Về mối quan hệ qua lại của những cộng đồng tộc ng-ời và cộng đồng tôn giáo), Sovetskaya etnografiya, 6.
- Ronald Cohen (1978). *Ethnicity: Problem and Focus in Anthropology* (Tộc ng-ời: những vấn đề và tâm điểm trong Nhân học), Annual Review of Anthropology, Vol. 7, 379-403.
- Salemink, Oscar (2002). *The Ethnography of Vietnam Central Highlanders: A Historical Contextualization, 1850-1990* (Dân tộc học về những dân tộc Tây Nguyên Việt Nam: Bối cảnh lịch sử, 1850-1990) Anthropology of Asia, London: Routledge Curzon; Honolulu: University of Hawaii' Press.
- Stalin, J. V. (1973). *Marxism and National Question, The Essential Stalin* (Chủ nghĩa Max và câu hỏi dân tộc, bản chất thuyết Stalin) London, 60.
- Thomas Hyland Eriksen (2002). *Ethnic and Nationalism* (Dân tộc và chủ nghĩa dân tộc), Pluto Press, London
- Tokarep, S. A. (1964). *Problem of Typology of Ethnic Communities* (Vấn đề hình thái học của các cộng đồng tộc ng-ời), Voprosy Philosophy, 11.